TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1298/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30-11-2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đoàn Văn Rỹ

2. Bà Nguyễn Thị Kính

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Trinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 756/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 402/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Mai Thị Mỹ H, sinh năm 1997;

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 70A đường D, Phường A, Quận B, Thành phố H. (có mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trịnh Đình T, sinh năm 1992, Luật sư của công ty Luật TNHH Nguyên Luật và Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Địa chỉ trụ sở: Số 185/51 đường N, Phường A, Quận B, Thành phố H.

2. Bị đơn: Ông Từ Huỳnh Anh Trường G, sinh năm 1990;

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 70A đường D, Phường A, Quận B, Thành phố H.

Địa chỉ tạm trú: Số 290A đường C, Phường C, Quận B, Thành phố H. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Mai Thị Mỹ H trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết:

Bà và ông Từ Huỳnh Anh Trường G qua thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn vào năm 2017 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 101 đăng ký ngày 03/10/2017 tại Ủy ban nhân dân Phường 10, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình chung sống từ khi đăng ký kết hôn cả hai đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, cả hai không có tiếng nói chung nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Mặc dù cả hai đã cho nhau nhiều cơ hội để vợ chồng hàn gắn và giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Cả hai sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay.

Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tiếp tục chung sống cũng không có hạnh phúc nên nộp đơn khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Từ Huỳnh Anh Trường G.

Về con chung: Bà và ông G có 01 (một) con chung, họ và tên: Từ Mai Thanh N, sinh ngày 03/11/2017. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông G cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Bà xác nhận không có.

Về nợ chung: Bà xác nhận không có.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Từ Huỳnh Anh Trường G trình bày:

Ông xác nhận quá trình ông và bà H tiến tới hôn nhân, kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung như nguyên đơn trình bày là đúng.

Theo ông, nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm về tài chính, không tìm được tiếng nói chung. Bản thân ông mong muốn vợ chồng hàn gắn để cùng nhau nuôi dạy và chăm sóc con cái nhưng bà H cương quyết ly hôn, không còn tình cảm với ông nên với yêu cầu của bà H, ông có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông và bà H có 01 (một) con chung, họ và tên: Từ Mai Thanh N, sinh ngày 03/11/2017. Sau khi ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà H cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Ông xác nhận không có.

Về nợ chung: Ông xác nhận không có.

Tại phiên toà, các bên tranh luận về quyền yêu cầu được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung, cụ thể:

Nguyên đơn, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cùng thống nhất tranh luận:

Yêu cầu Toà án giao con chung là trẻ Từ Mai Thanh N cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà H không yêu cầu ông G cấp dưỡng cho con. Đề nghị Toà án yêu cầu người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung không được cản trở, vi phạm các quyền của người không trực tiếp nuôi con theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bị đơn tranh luận:

Không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn về việc giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Đề nghị Toà án giao con chung cho bị đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng vì điều kiện nuôi con của bị đơn tốt hơn và không làm xáo trộn cuộc sống sinh hoạt bình thường của con. Bị đơn không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng cho con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý; về xác định tư cách tham gia tố tụng; xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ; trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý; về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn.

- Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên xác nhận không có nên không xét.

- Về con chung: Đề nghị giao con chung cho bị đơn tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: Bị đơn không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng cho con nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Mai Thị Mỹ H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Từ Huỳnh Anh Trường G, đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn ông Từ Huỳnh Anh Trường G cư trú tại Quận 8, căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Bà Mai Thị Mỹ H và ông Từ Huỳnh Anh Trường G tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 101 đăng ký ngày 03/10/2017 tại Ủy ban nhân dân Phường 10, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh) nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2.2] Về quan hệ hôn nhân: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời trình bày của các bên đương sự cho thấy quan hệ hôn nhân của bà H và ông G chỉ ràng buộc về mặt pháp lý, cả hai đều thừa nhận không tìm được tiếng nói chung, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được và đều thống nhất đề nghị Toà án giải quyết ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Mai Thị Mỹ H là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh số 306 đăng ký ngày 21/12/2017 tại Uỷ ban nhân dân Phường 10, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cùng với lời trình bày của bà H và ông G có đủ cơ sở để xác nhận: Bà H và ông G có 01 (một) con chung, họ và tên: Từ Mai Thanh N, sinh ngày 03/11/2017, giới tính: Nữ.

Xét, công văn số 268/UBND ngày 06/9/2022 của Uỷ ban nhân dân Phường 10, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, về việc trả lời xác minh tình trạng

mâu thuẫn kết quả thể hiện: Uỷ ban chưa nhận được thông tin phản ánh của cá nhân, tổ chức về lối sống của bà H và ông G tại nơi cư trú.

Xét, công văn số 29546/SLĐTBXH-TEBĐG ngày 20/9/2022 của Sở Lao động và Thương binh và Xã hội – Uỷ ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phản hồi ý kiến của cơ quan Thường trực Uỷ ban trẻ em Thành phố kết quả: *"Giao bé Từ Mai Thanh N, sinh ngày 03/11/2017 cho ba cháu là ông Từ Huỳnh Anh Trường G là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ, nhằm ổn định tinh thần và tâm lý không bị xáo trộn trong cuộc sống hiện tại (bé N còn được ông bà nội quan tâm chăm lo). Sau này khi bé N lớn lên thì cháu tự quyền chọn sống chung với cha hay mẹ".*

Hội đồng xét xử xét thấy, trẻ Thanh N có nguyện vọng sống với ba và hiện nay trẻ đang sống với ba. Mặc dù, cả bà H và ông G đều có đủ điều kiện về kinh tế, tài chính để nuôi con và đều quan tâm, yêu thương con chung. Tuy nhiên, việc thay đổi môi trường sống, người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ sẽ ảnh hưởng đến tâm lý, ảnh hưởng đến sự phát triển ổn định về thể chất lẫn tinh thần của trẻ.

Do đó, để đảm bảo quyền, lợi ích cho trẻ nên tiếp tục giao trẻ N cho ông G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ phù hợp với nguyện vọng của trẻ và phù hợp với ý kiến của chuyên gia tâm lý – Cơ quan thường trực Uỷ ban trẻ em Thành phố.

Do ông G tự nguyện không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] Về tài sản chung: Cả hai xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.5] Về nợ chung: Cả hai xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.6] Tại phiên toà, ý kiến của Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn về việc yêu cầu giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2.7] Tại phiên toà, ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Mai Thị Mỹ H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 và 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật Phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014),

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị Mỹ H được ly hôn với ông Từ Huỳnh Anh Trường G (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 101, đăng ký ngày 03/10/2017 tại Ủy ban nhân dân Phường 10, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh).

1.2. Về con chung: Bà Mai Thị Mỹ H và ông Từ Huỳnh Anh Trường G có 01 (một) con chung, họ và tên: Từ Mai Thanh N, sinh ngày 03/11/2017, giới tính: Nữ.

Giao con chung là trẻ Từ Mai Thanh N cho ông Từ Huỳnh Anh Trường G trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Bà H không cấp dưỡng cho con.

Bà H có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng cho con.

1.3. Về tài sản chung: Hai bên xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xét.

1.4. Về nợ chung: Hai bên xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xét.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm bà H phải chịu là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0017197 ngày 04/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 8, TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 8, TP.HCM;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Thắng